

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (CẤP XÃ - 02 THỦ TỤC)**

| <b>STT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>  | <b>Trang</b> |
|------------|--|--------------|
| 1          | Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) - 1.012836   | 02           |
| 2          | Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước - 1.012837 | 07           |

**1. Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) - 1.012836**

**a. Trình tự thực hiện:**

*Bước 1. Lập danh sách gia súc được phối giống*

Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc lập danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo, nộp cho tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc.

*Bước 2. Nộp hồ sơ*

Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc tổng hợp danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo, hoàn thiện hồ sơ nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ 03 tháng/lần. Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ theo quy định.

*Bước 3. Tổ chức thẩm định, nghiệm thu kết quả phối giống*

Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua bưu chính bằng văn bản;

Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, nghiệm thu và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định hỗ trợ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ; trường hợp không hỗ trợ thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

**b. Cách thức thực hiện:** không quy định

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*Thành phần hồ sơ:*

*Hồ sơ người làm dịch vụ phối giống gửi Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc:*

Danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo

*Hồ sơ tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gửi Ủy ban nhân dân cấp xã:*

Quyết định giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền cho tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc;

- Hợp đồng cung cấp vật tư phối giống nhân tạo gia súc giữa tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc với cơ sở được lựa chọn cung cấp vật tư phối giống nhân tạo gia súc;

- Danh sách tổng hợp gia súc được phối giống nhân tạo do tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc lập theo mẫu quy định tại Mẫu số 31.GVN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y

- Biên bản nghiệm thu kết quả phối giống nhân tạo gia súc đã được thực hiện.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d. Thời hạn giải quyết:**

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Thẩm định hồ sơ và quyết định: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày làm việc).

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức;

- Cá nhân.

**e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**f. Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** hỗ trợ cung cấp vật tư, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái

**h. Phí, lệ phí:** không

**i. Tên mẫu đơn, tờ khai:**

Danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo do người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc lập quy định tại Mẫu số 31.GVN Phụ lục I ban hành kèm

theo Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y.

**k. Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** đáp ứng quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Chăn nuôi.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 8, Điều 14, Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y.

Dành cho cá nhân trực tiếp thực hiện công tác phối giống nhân tạo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**DANH SÁCH GIA SÚC ĐƯỢC PHỐI GIỐNG NHÂN TẠO**

(Từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày....tháng.....năm.....)

| TT  | Họ tên chủ hộ nuôi gia súc | Địa chỉ | Loại gia súc | Số tai (nếu có) | Giống | Lứa đẻ | Phối giống                 |                 |                            |                 |                            |                 | Ký nhận của chủ hộ |
|-----|----------------------------|---------|--------------|-----------------|-------|--------|----------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|--------------------|
|     |                            |         |              |                 |       |        | Lần 1                      |                 | Lần 2                      |                 | Lần 3                      |                 |                    |
|     |                            |         |              |                 |       |        | Số hiệu đực giống cho tinh | Ngày phối giống | Số hiệu đực giống cho tinh | Ngày phối giống | Số hiệu đực giống cho tinh | Ngày phối giống |                    |
| 1   |                            |         |              |                 |       |        |                            |                 |                            |                 |                            |                 |                    |
| 2   |                            |         |              |                 |       |        |                            |                 |                            |                 |                            |                 |                    |
| 3   |                            |         |              |                 |       |        |                            |                 |                            |                 |                            |                 |                    |
| ... |                            |         |              |                 |       |        |                            |                 |                            |                 |                            |                 |                    |

....., ngày...tháng....năm....

**Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Dành cho tổ chức thực hiện chương trình phối giống nhân tạo gia súc

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**DANH SÁCH TỔNG HỢP GIA SÚC ĐƯỢC PHỐI GIỐNG NHÂN TẠO**

(Từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày....tháng.....năm.....)

| TT   | Họ tên chủ hộ<br>nuôi gia súc | Địa chỉ | Loại gia<br>súc | Số hiệu | Giống | Số lần<br>phối | Ghi<br>chú |
|------|-------------------------------|---------|-----------------|---------|-------|----------------|------------|
| 1    |                               |         |                 |         |       |                |            |
| 2    |                               |         |                 |         |       |                |            |
| 3    |                               |         |                 |         |       |                |            |
| .... |                               |         |                 |         |       |                |            |
|      |                               |         |                 |         |       |                |            |
|      |                               |         |                 |         |       |                |            |
|      |                               |         |                 |         |       |                |            |

....., ngày...tháng...năm.....

**Tổ chức thực hiện chương trình phối  
gia súc** (Ký, ghi rõ họ tên)  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người tổng hợp giống nhân tạo**

**2. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước - 1.012837**

**a. Trình tự, thủ tục:**

*Bước 1. Nộp hồ sơ*

Đối tượng được hỗ trợ nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 25 của tháng cuối hàng quý bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua đường bưu điện;

*Bước 2. Thẩm định hồ sơ*

Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua bưu chính bằng văn bản;

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định hỗ trợ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ; trường hợp không hỗ trợ thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân;

*Bước 3. Thực hiện hỗ trợ kinh phí*

Trong thời hạn 20 ngày tính từ ngày có quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hỗ trợ kinh phí cho đối tượng được hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

**b. Cách thức thực hiện:** trực tiếp

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*\* Thành phần hồ sơ*

- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 32.GVN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y;

- Chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn do cơ sở đào tạo cấp;

- Hoá đơn, chứng từ liên quan;
- Giấy cam kết về thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ (áp dụng đối với chuyển đổi ngành nghề khi thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi);
- Bản cam kết thực hiện công tác phối giống nhân tạo gia súc trong thời gian ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ (áp dụng đối với đào tạo kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc).

\* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

**d. Thời hạn giải quyết:**

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- Thẩm định hồ sơ và quyết định: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày).
- *Thực hiện hỗ trợ kinh phí:* Trong thời hạn 20 ngày tính từ ngày có quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức;
- Cá nhân.

**e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

**g. Phí, lệ phí:** không

**h. Tên mẫu đơn, tờ khai:** văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 32.GVN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y.

**i. Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo do cơ sở đào tạo cấp và cam kết thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ.

**k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 7, Điều 8, Điều 14, Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

- Nghị định số 131/2025/ND-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y.

**Mẫu số 32.GVN**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ**

**A. Đối với tổ chức**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ**

Kính gửi: .....

Tổ chức (Tên tổ chức): .....

Loại hình tổ chức: .....

Ngành nghề kinh doanh: .....

Trụ sở chính: .....

Người đại diện: ..... Chức danh: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký của tổ chức/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số ..... do.....cấp ngày ... tháng ... năm ...

**I. Đề nghị hỗ trợ đầu tư với nội dung sau:**

1. Tên dự án: .....
2. Lĩnh vực đầu tư: .....
3. Địa điểm thực hiện dự án: .....
4. Mục tiêu và quy mô của dự án: .....
5. Tổng vốn đầu tư và dự toán kinh phí của dự án: .....

- 6. Diện tích đất dự kiến sử dụng: .....
- 7. Số lao động dự án sử dụng bình quân trong năm: .....
- 8. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến: .....

**II. Kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư** (theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi):

- 1. Căn cứ hỗ trợ: .....
- 2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ:.....

3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

| TT    | Nội dung | Số tiền<br>(1.000<br>đồng) | Thời gian hỗ trợ<br>(năm) | Ghi chú |
|-------|----------|----------------------------|---------------------------|---------|
| 1     |          |                            |                           |         |
| 2     |          |                            |                           |         |
| 3     |          |                            |                           |         |
| ..... |          |                            |                           |         |

Tổng số tiền đầu tư.....đồng

(Bằng chữ: ..... ).

**III. Cách tính các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:**

.....  
 .....  
 .....

**IV. Tổ chức cam kết:** Nội dung hồ sơ đầu tư

- 1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.
- 2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

....., ngày...tháng...năm....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký tên, đóng dấu) Hồ

sơ kèm theo:

- .....

- .....

**B. Đối với cá nhân**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ**

Kính gửi: .....

Tôi tên là: .....

Số CMND/CCCD/mã định danh cá nhân: ..... Ngày

cấp:...../...../... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Mã số đăng ký kê khai hoạt động chăn nuôi: .....

Tên cơ sở chăn nuôi (tên chủ cơ sở): .....

Địa chỉ cơ sở chăn nuôi:.....

Đối tượng chăn nuôi:.....

Diện tích cơ sở chăn nuôi:.....

Dự kiến sản lượng/công suất/năm:.....

Nội dung đề nghị hỗ trợ: .....

- .....

Căn cứ Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

Tôi đề nghị được hỗ trợ với số tiền là ..... đồng.

(*Bằng chữ:* .....

Tôi cam kết sẽ sử dụng kinh phí được hỗ trợ vào đúng nội dung, mục đích và tại thời điểm hiện tại tôi chưa nhận hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước về nội dung đề nghị hỗ trợ nêu trên.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

...., ngày...tháng...năm....

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên) Các

tài liệu gửi kèm gồm:

- .....

-.....